

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thanh Vân, tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương của Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Thanh Vân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thanh Vân của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thanh Vân tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thanh Vân, tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 2451/STNMT - BVMT ngày 30/3/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 20/CT-TV ngày 26/4/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thanh Vân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 342/Tr-STNMT ngày 13/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thanh Vân của Công ty cổ phần Thương mại và

Xây dựng Thanh Vân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Thanh Vân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thanh Vân, tại xã Quảng Lưu,
huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thanh Vân, tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thanh Vân.
- + Đại diện: Bà Trần Thị Duyên, Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: Số 69 tổ 25, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- + Điện thoại: 02485872853.
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
 - + Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 65.402,0m²; với các hạng mục công trình theo quy hoạch như sau: đất khách sạn: 18.574,14m²; đất biệt thự nghỉ dưỡng 8.089,10m²; đất thương mại dịch vụ 3.734,43m²; đất dịch vụ bể bơi 2.895,35 m²; đất thể dục thể thao 16.051,01 m²; đất kỹ thuật - phụ trợ 1.227,90m²; bãi đỗ xe 1.153,0m²; đất giao thông 13.677,07m².
 - + Các hạng mục xây dựng gồm: 04 khách sạn cao 09 tầng; 15 biệt thự nghỉ dưỡng cao 02 tầng; Khu thương mại dịch vụ cao 02 tầng; khu bể bơi; khu thể dục thể thao; các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (gồm: San nền; hệ thống đường giao thông; vỉa hè, cây xanh; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; công viên cây xanh...) và các công trình phụ trợ khác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 9,6 m³/ngày; trong đó: nước thải vệ sinh khoảng 4,44 m³/ngày; nước thải tắm giặt, rửa tay chân khoảng 4,8 m³/ngày và nước thải từ ăn uống khoảng 0,36 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), chất tẩy rửa, các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) chất cặn bã và vi sinh vật gây bệnh.

- Nước thải xây dựng: chủ yếu là nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị phát sinh khoảng 4,0 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 0,045 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu, từ quá trình thi công nền đường; hàn xi, sơn...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55,0kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng 2.700,5m³ (bao gồm: bê tông, gạch vỡ ván, cửa gỗ vật liệu khác; sắt thép, tôn các loại...); Khối lượng phát quang thăm thực vật, phủ dọn dẹp mặt bằng khu vực dự án: 111,19 tấn; Khối lượng chất thải rắn trong quá trình thi công là 126,17 tấn (thành phần chủ yếu là phế liệu xây dựng bị rơi vãi như đất, cát, đá, sắt thép, xi măng chết...).

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thùng đựng sơn... khối lượng khoảng 384 kg/toàn bộ quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy thải với lượng khoảng 480 lít/toàn bộ quá trình thi công.

2.1.5. Tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Tác động do tiếng ồn: tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ máy móc, thiết bị thi công và do sự va chạm của các cấu kiện sắt thép... ảnh hưởng chủ yếu đến công nhân lao động thi công trên công trường.

- Tác động do độ rung: Mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị thi công vượt giới hạn cho phép trong khoảng cách 30m trở lại kể từ nguồn phát sinh, tác động chủ yếu đến các công trình trong khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 187,6m³/ngày, trong đó: Nước thải nhà ăn: 56,28 m³/ngày; Nước thải nhà vệ sinh: 37,52m³/ngày; Nước tắm giặt: 93,8m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước thải từ hoạt động giặt có lưu lượng 15 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hoạt động bề mặt, cặn lơ lửng và các sợi vải nhỏ.

- Nước thải từ hoạt động của bể bơi có lưu lượng 39 m³/ngày. Thành phần nước thải này tương đối sạch, chủ yếu chứa lượng nhỏ chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 0,363 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, phòng nghỉ; khu tập kết rác thải; các

công trình xử lý nước thải...Thành phần bao gồm: bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khách du lịch đến lưu trú tại dự án 712 kg/ngày; cán bộ nhân viên làm việc tại dự án: 96 kg/ngày; chất thải từ nhà bếp 1.068 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Bùn thải từ các công trình xử lý môi trường: khối lượng khoảng 0,56 m³/ngày.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng 10 kg/tháng đối với chất thải rắn nguy hại và 5,0 kg/tháng đối với chất thải lỏng nguy hại. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Trong điều kiện trời mưa cần dừng ngay các hoạt động thi công, đồng thời tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại những vị trí trũng thấp dẫn nước mưa thoát ra khu vực phía Đông khu đất thoát ra biển.

*** Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom về hồ lắng nước thải xây dựng có dung tích 3,0m³ (kích thước 2,0m x 1,5m x 1,0m) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước thải ăn uống: thu gom về bể tách dầu mỡ có dung tích 1,0 m³ (kích thước 1,0m x 1,0m x 1,0m) để loại bỏ dầu mỡ trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: xây dựng bể tự hoại có thể tích 25 m³ (kích thước bể 4,0m x 3,13m x 2,0m) tại cạnh khu lán trại công nhân để thu gom và xử lý nước thải vệ sinh của công nhân. Định kỳ 01 năm/lần đơn vị thi công dự kiến ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút bùn cặn từ bể tự hoại vận chuyển đi xử lý theo quy định.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về 01 bể lắng có dung tích 2m³ (kích thước 2,0m x 1,0m x 1,0m) trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật và môi trường bao gồm: QCVN 09:2011/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô. Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Chính phủ về Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện cơ giới đường bộ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí công nhân dọn dẹp vật liệu xây dựng vương vãi trong khu vực dự án và khu vực từ công ra vào trong phạm vi bán kính 200m.

- Phun tưới nước 02 - 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi.

- Đối với thi công nhà cao tầng: Lắp đặt lưới bao che xung quanh công trình, thực hiện che chắn các loại vật liệu trong quá trình thi công tránh gió cuốn phát tán ra môi trường xung quanh

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 05 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 40 lít/thùng), 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5 m³/xe) đặt tại khu vực cạnh lán trại công nhân để thu gom rác thải tập trung. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với chất thải là thực vật phát quang, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải từ quá trình phá dỡ công trình xây dựng: phần lớn khối lượng sẽ được tận dụng san nền tại chỗ, phần còn lại được thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với CTR từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình: gạch vỡ, cát sỏi, xi măng chết... được tận dụng làm vật liệu san nền tại chỗ, sắt thép, tôn các loại được tận dụng bán cho đơn vị thu mua phế liệu xử lý, tái chế.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 04 thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 240 lít/thùng để chứa riêng chất thải rắn nguy hại và chất thải lỏng nguy hại, các thùng chứa có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; Định kỳ 01 năm/lần, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Các phương tiện có mức ồn lớn không được vận hành cùng một thời điểm. Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời

gian thi công; Công nhân thi công phải được trang bị các dụng cụ, thiết bị chống ồn.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h; Hạn chế sử dụng các thiết bị gây mức ồn >70 dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70 dBA để thi công, không tiến hành thi công vào thời gian cao điểm từ 11 đến 13 giờ và từ 22 đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa trên mái công trình cùng với nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ được thu vào hệ thống mương thoát nước nội bộ D300 và xả thải ra mương thoát nước chung của khu vực theo quy hoạch;

- Nước thải từ tắm rửa, giặt giũ: được thu gom về mương thoát nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ khu giặt: được thu gom về mương thoát nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường..

- Nước thải nhà bếp, nhà ăn: thu gom về bể tách dầu mỡ có dung tích 16,0 m³ (kích thước: 3,2m x 2,5m x 2,0m) để loại bỏ dầu mỡ, chất rắn lơ lửng. Nước thải sau bể tách dầu mỡ được thoát ra mương thoát nước thải tập trung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải vệ sinh: xây dựng 25 bể tự hoại với tổng thể tích 198 m³ tại các công trình khách sạn, biệt thự, khu thương mại, khu kỹ thuật phụ trợ để xử lý sơ bộ nước thải từ quá trình vệ sinh. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 240 m³/ngày để xử lý nước thải cho toàn bộ khu vực dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được dẫn ra sông Rào cách khu đất dự án khoảng 250m về phía Tây.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (Đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)) → Thải ra môi trường.

(Theo Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch, đô thị ven biển, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 (đoạn từ Nam Sầm Sơn đến đô thị Quảng Lợi) nước thải của cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được thải ra mương thoát nước chung của khu vực dẫn về 02 trạm xử lý nước thải tập trung, trong đó: trạm XLNT số 1 có công suất 6.500 m³/ngày.đêm tại thôn 1, xã Quảng Thái; trạm XLNT số 02 có công suất 3.500 m³/ngày.đêm tại thôn 10, xã Quảng Thái. Như vậy, khi dự án đi vào hoạt động nếu khu vực đã

có trạm XLNT tập trung được xây dựng thì chủ dự án chỉ cần xử lý sơ bộ nước thải của cơ sở sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý theo quy định. Trong trường hợp dự án đi vào hoạt động mà hệ thống XLNT tập trung của khu vực chưa được xây dựng thì chủ dự án sẽ xây dựng 01 hệ thống XLNT tập trung trong khu vực dự án để xử lý theo quy định.).

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Quy định bãi đỗ xe cho từng loại phương tiện giao thông ra vào cơ sở, tránh ùn tắc tại khu vực đỗ xe nhằm hạn chế lượng khí thải phát sinh.
- Bố trí nhân viên sắp xếp vị trí đậu đỗ xe cho khách để tránh cho các phương tiện nổ máy quá lâu phát sinh nhiều khí thải trong khu vực đỗ xe.
- Khu vực sân bãi phải thường xuyên quét dọn vệ sinh.
- Trồng nhiều loại cây xanh có bóng mát trong khuôn viên cơ sở nhằm tạo cảnh quan cũng như điều hòa vi khí hậu khuôn viên cơ sở.
- Khu vực phòng nghỉ: Thường xuyên vệ sinh các phòng nghỉ hạn chế sự phát tán của bụi và ô nhiễm môi trường; thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trong ngày, tránh để rác thải tồn đọng lâu sẽ bị phân huỷ, bốc mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.
- Lắp đặt máy phát điện trong phòng riêng biệt xa các phòng nghỉ của khách. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện.
- Khu vực nhà bếp, nhà ăn: được thiết kế thông thoáng và lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống hút mùi và ống dẫn khí thải từ khu bếp thoát ra môi trường bên ngoài khu nhà; thường xuyên lau chùi, vệ sinh sạch sẽ khu vực chế biến thức ăn, khu vực bàn ăn sau mỗi bữa ăn.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Trang bị 1.306 thùng đựng rác thải có dung tích từ 20 - 120 lít lắp đặt tại các vị trí có phát sinh CTR như: khu vực phòng nghỉ, khu vực nhà ăn, khu vực nhà bếp và dọc khu vực sân, đường nội bộ...; trang bị 08 xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5 m³/xe) để lưu giữ tạm thời trước khi thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị khoảng 05 thùng (dung tích 120 lít/thùng) có nắp đậy và được dán nhãn để phân loại theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S.
- Vị trí giám sát:
 - + 01 mẫu tại khu vực lán trại công nhân.
 - + 01 mẫu tại khu vực thi công dự án.
 - + 01 mẫu tại khu vực cổng ra vào.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
 - + QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.1.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺ (tính theo N), Tổng P, Dầu mỡ động thực vật, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu:
 - + 01 mẫu nước thải sau xử lý trước khi thải ra mương thoát nước thải khu vực.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

4.2. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành

4.2.1 Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng (tháng 5, 6, 7 hàng năm)
- Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

4.2.2 Giám sát chất thải rắn

- Tần suất giám sát: 03 tháng (tháng 5, 6, 7 hàng năm)
- Chỉ tiêu giám sát: Khối lượng chất thải, thành phần rác thải.
- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết rác thải tập trung của cơ sở./.